

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KHẢO SÁT ĐỊNH KÌ LỚP 2

A. NỘI DUNG ÔN TẬP

1. Mối quan hệ giữa các thành phần phép cộng và phép trừ

a) Các thành phần của phép cộng – phép trừ

- Phép cộng: Số hạng + Số hạng = Tổng
- Phép trừ: Số bị trừ – Số trừ = Hiệu
- Muốn tìm một số hạng ta lấy tổng trừ đi số hạng kia.
- Muốn tìm số bị trừ ta lấy hiệu cộng với số trừ.
- Muốn tìm số trừ ta lấy số bị trừ trừ đi hiệu.

b) Sự thay đổi các thành phần của phép tính

- Trong 1 tổng, nếu thêm (bớt) 1 số hạng của tổng bao nhiêu đơn vị thì tổng cũng thêm (bớt) bấy nhiêu đơn vị.
- Trong 1 hiệu, nếu thêm (bớt) số bị trừ bao nhiêu đơn vị thì hiệu cũng thêm (bớt) bấy nhiêu đơn vị.
- Trong 1 hiệu, nếu thêm (bớt) số trừ bao nhiêu đơn vị thì hiệu cũng bớt (thêm) bấy nhiêu đơn vị.

2. Dãy số - Dãy hình

a) Các loại dãy số

- Dãy số cách đều: + Dãy số tự nhiên.
 - + Dãy số chẵn, lẻ.
 - + Dãy số có khoảng cách giữa hai số hạng liên tiếp không đổi.
- Dãy số không cách đều nhưng vẫn tuân theo một quy luật nhất định.

b) Quy luật của dãy số

Một số quy luật của dãy số thường gặp:

- Dãy số cách đều: Mỗi số hạng (kể từ số hạng thứ 2) bằng số hạng đứng liền trước nó cộng hoặc trừ một số tự nhiên d.

Ví dụ: 1; 5; 9; 13;

- Mỗi số hạng (kể từ số hạng thứ 3) bằng tổng hai số hạng đứng liền trước nó.

Ví dụ: 1; 4; 5; 9; 14; 23;

- Dãy số có khoảng cách giữa các số hạng liên tiếp tăng dần.

Ví dụ: 1; 2; 4; 7; 11;

c) Quy luật dãy hình

Có thể sử dụng kiến thức quy luật dãy số để tìm ra quy luật dãy hình.

3. Phép nhân – Thừa số – Tích

a) Phép nhân

$$2 + 2 + 2 + 2 = 8$$

$2 + 2 + 2 + 2$ là tổng của 4 số hạng bằng nhau, mỗi số hạng là 2.

(2 được lấy 4 lần)

Ta viết thành phép nhân: $2 \times 4 = 8$.

Đọc là: Hai nhân bốn bằng tám.

Dấu $\times$ gọi là dấu nhân.

Ví dụ: Số?



$$5 + 5 + 5 = 15$$

$$5 \times \boxed{3} = \boxed{15}$$

b) Thừa số - Tích

$$\begin{array}{ccccccc} 2 & \times & 4 & = & 8 \\ \uparrow & & \uparrow & & \uparrow \\ \boxed{\text{Thừa số}} & & \boxed{\text{Thừa số}} & & \boxed{\text{Tích}} \end{array}$$

Chú ý: 2×4 cũng được gọi là tích.

4. Bảng nhân 2, 3, 4, 5

Bảng nhân 2	Bảng nhân 3	Bảng nhân 4	Bảng nhân 5
$2 \times 1 = 2$	$3 \times 1 = 3$	$4 \times 1 = 4$	$5 \times 1 = 5$
$2 \times 2 = 4$	$3 \times 2 = 6$	$4 \times 2 = 8$	$5 \times 2 = 10$
$2 \times 3 = 6$	$3 \times 3 = 9$	$4 \times 3 = 12$	$5 \times 3 = 15$
$2 \times 4 = 8$	$3 \times 4 = 12$	$4 \times 4 = 16$	$5 \times 4 = 20$
$2 \times 5 = 10$	$3 \times 5 = 15$	$4 \times 5 = 20$	$5 \times 5 = 25$
$2 \times 6 = 12$	$3 \times 6 = 18$	$4 \times 6 = 24$	$5 \times 6 = 30$
$2 \times 7 = 14$	$3 \times 7 = 21$	$4 \times 7 = 28$	$5 \times 7 = 35$
$2 \times 8 = 16$	$3 \times 8 = 24$	$4 \times 8 = 32$	$5 \times 8 = 40$
$2 \times 9 = 18$	$3 \times 9 = 27$	$4 \times 9 = 36$	$5 \times 9 = 45$
$2 \times 10 = 20$	$3 \times 10 = 30$	$4 \times 10 = 40$	$5 \times 10 = 50$

5. Một số bài toán khác

- Nhận dạng được hình vuông, hình chữ nhật, hình tam giác, hình tứ giác, hình tròn.
- Nhận dạng được đoạn thẳng, đường thẳng, 3 điểm thẳng hàng.
- Chỉ ra được đơn vị đo khối lượng: ki-lô-gam (kg); đơn vị đo dung tích: lít (l); đơn vị đo thời gian: 1 ngày = 24 giờ, 1 tuần lễ = 7 ngày.
- Giải được các bài toán về “nhiều hơn”, “ít hơn” và các bài toán liên quan đến phép cộng, phép trừ trong phạm vi 100.

B. BÀI TẬP VẬN DỤNG

I. BÀI TẬP CƠ BẢN

Bài 1. Hai số có tổng là 85. Nếu bớt ở số hạng thứ nhất 12 đơn vị và thêm vào số hạng thứ hai 21 đơn vị thì tổng mới là bao nhiêu?

Bài 2. Hai số có hiệu là 45. Nếu bớt số bị trừ 15 đơn vị và bớt số trừ 25 đơn vị thì được hiệu mới bằng bao nhiêu?

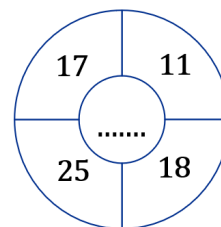
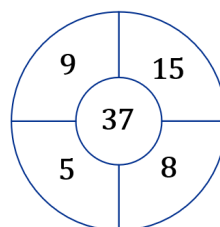
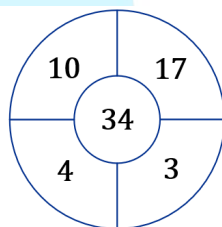
Bài 3. Hòa có nhiều hơn Nam 32 viên bi. Hòa cho Bình 9 viên bi. Hỏi sau khi cho, Hòa còn nhiều hơn Nam bao nhiêu viên bi?

Bài 4. Hồng có nhiều hơn Hoa 50 bông hoa. Sau đó, Hồng được cho thêm 10 bông, Hoa cho em của mình 8 bông. Hỏi lúc sau Hồng có nhiều hơn Hoa bao nhiêu bông hoa?

Bài 5. Tìm 3 số hạng tiếp theo của các dãy sau:

- 5 ; 10 ; 15 ; 20 ; ; ;
- 1 ; 5 ; 9 ; 13 ; ; ;
- 90 ; 84 ; 78 ; 72 ; 66 ; ; ;
- 2 ; 3 ; 5 ; 8 ; 13 ; ; ;

Bài 6. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:



Bài 7. a) Nêu tên 3 hình tiếp theo (theo đúng thứ tự) của dãy hình sau:



Trả lời:.....

b) Nêu tên hình thay thế vị trí  trong dãy hình sau:



Trả lời:.....

Bài 8. Thay các biểu thức dưới đây thành tổng của nhiều số hạng bằng nhau (theo mẫu):

Mẫu: $2 \times 4 + 2 = 2 + 2 + 2 + 2 + 2$

a) $3 \times 3 + 3$

b) $5 \times 4 + 5$

c) $6 \times 7 + 6$

d) $8 \times 2 + 8 \times 3$

Bài 9. Viết các số thích hợp vào ô trống:

Thừa số	2	4	3	5	5	4	3	2
Thừa số	3	9	5	7	2	8	7	6
Tích								

Bài 10. Viết các số thích hợp vào chỗ chấm:

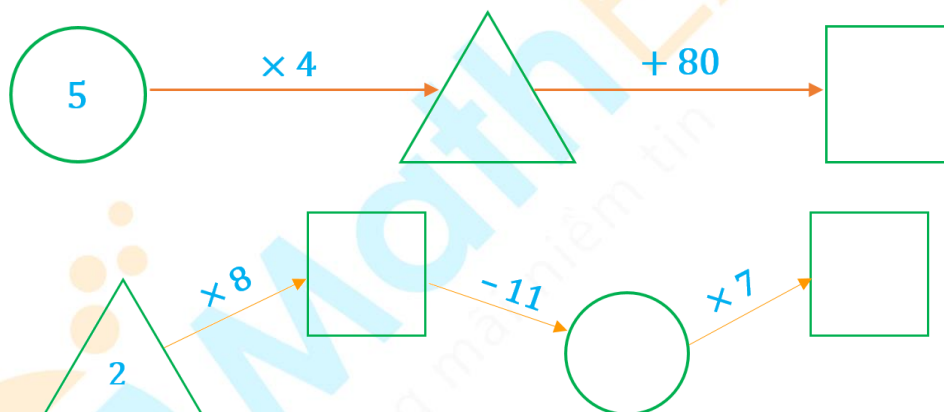
a) $2 \text{ giờ} \times 7 = \dots\dots\dots \text{giờ}$

b) $5 \text{ kg} \times 6 = \dots\dots\dots \text{kg}$

c) $3 \text{ cm} \times 5 = \dots\dots\dots \text{cm}$

d) $4 \text{ l} \times 7 = \dots\dots\dots \text{l}$

Bài 11. Điền các số thích hợp vào chỗ trống:



Bài 12. Mỗi con gà có 2 cái chân. Hỏi 8 con gà có tất cả bao nhiêu cái chân?

Bài 13. Ba bạn Mai, Trung, Hiếu gấp một số bông hoa để tặng thầy cô nhân ngày 20 tháng 11.

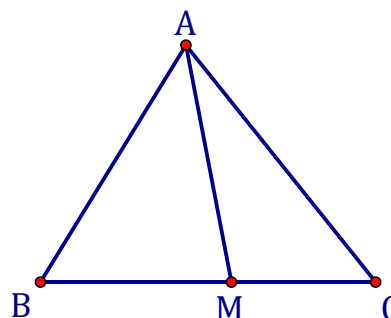
Biết rằng mỗi bạn gấp được 3 bông hoa. Hỏi cả ba bạn đã gấp được bao nhiêu bông hoa?

Bài 14. Quan sát hình bên và kể tên:

a) Các hình tam giác.

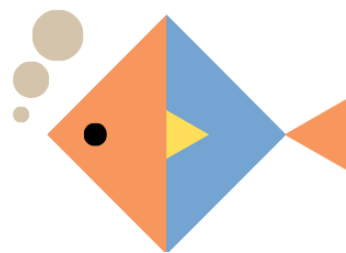
b) Các đoạn thẳng.

c) 3 điểm thẳng hàng.



Bài 15. Hình bên có mấy hình tròn? Mấy hình vuông?

Mấy hình tam giác?



Trả lời:

Hình trên có:

..... hình tròn

..... hình vuông

..... hình tam giác

Bài 16. Điền vào chỗ chấm ngày, tháng hoặc thứ thích hợp:

a) Thứ Sáu tuần này là ngày 8 tháng 10 thì thứ Sáu tuần sau là ngày tháng

b) Thứ Bảy tuần này là ngày 5 tháng 11 thì thứ Sáu tuần sau là ngày tháng

c) Ngày 12 tháng 10 là vào thứ Tư thì 7 ngày nữa là vào thứ ngày tháng

d) Ngày 10 tháng 11 là vào thứ Hai thì ngày 17 tháng 11 là vào thứ

ngày 18 tháng 11 là vào thứ

Bài 17. Hoàng, Minh, Ngọc có tất cả 80 cái kẹo. Biết Hoàng và Minh có tất cả 45 cái kẹo.

a) Hỏi Ngọc có bao nhiêu cái kẹo?

b) Biết Hoàng có ít hơn Ngọc 6 cái kẹo. Hỏi mỗi bạn Hoàng và Minh có bao nhiêu cái kẹo?

II. BÀI TẬP MỞ RỘNG

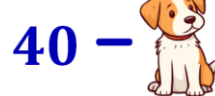
Bài 18. Tìm các số mà chiếc bánh kem, con gấu, con cún đang che mắt:



$$+ 4 = 16$$

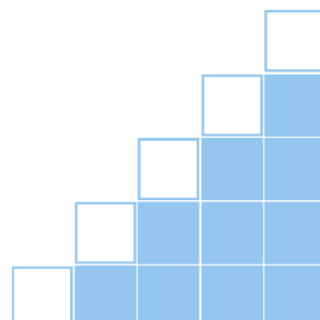
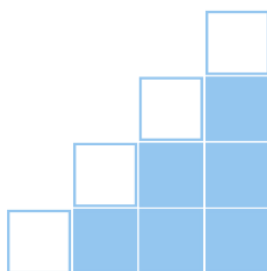
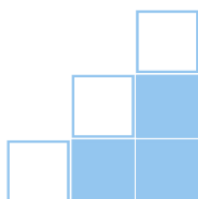


$$- 20 = 35$$



$$40 - = 20 - 10$$

Bài 19. Quan sát hình dưới đây và cho biết hình thứ 5 có bao nhiêu hình vuông nhỏ được tô đậm?



Bài 20. Bạn Minh viết liên tiếp nhóm chữ “HOCTOT” thành dãy: HOCTOT HOCTOT ...

Hỏi chữ cái thứ 15 của dãy là chữ cái nào?

Bài 21. Tìm các số mà cá heo, cua, chim cánh cụt và sứa biển đã che mắt:

$$2 \times 4 = \text{cá heo}$$

$$5 \times 6 = \text{cua}$$

$$3 \times \text{chim cánh cụt} = 18$$

$$4 \times \text{sứa biển} = 36$$

Bài 22. Đàn mèo nhà Lan có mèo mẹ và 4 con mèo con. Hỏi đàn mèo nhà Lan có tất cả bao nhiêu cái chân?

Bài 23. Ba bạn Xuân, Hạ, Thu cùng nhau mua một số viên bi. Biết rằng mỗi bạn mua 4 viên bi đỏ và 1 viên bi vàng. Hỏi cả ba bạn mua được tất cả bao nhiêu viên bi?

Bài 24.

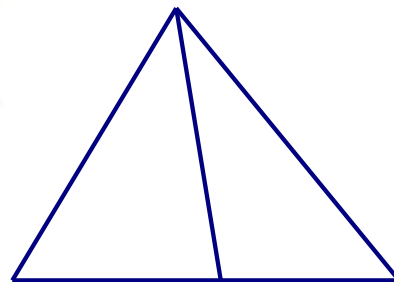
a) Tìm hai số có tích bằng 10 và có tổng bằng 7.

b) Tìm hai số có tích bằng 12 và có tổng bằng 7.

Bài 25. Kẻ thêm vào hình bên 1 nét để được:

a) 5 hình tam giác;

b) 6 hình tam giác.



Bài 26. Quan sát các hình vẽ sau và trả lời câu hỏi:

a) Quả dưa hấu cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

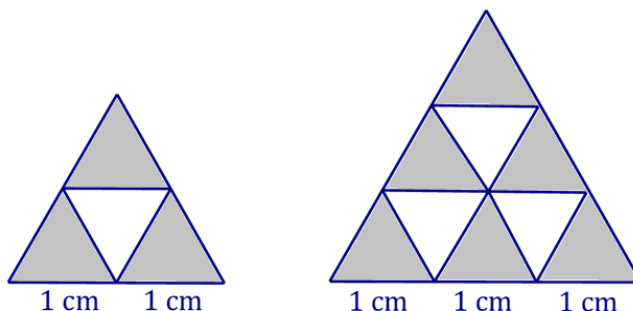


b) Con chó nặng hơn con gà bao nhiêu ki-lô-gam?



III. BÀI TẬP NÂNG CAO – TƯ DUY (Dành cho lớp nâng cao và học sinh mong muốn phát triển tư duy nâng cao)

Bài 27. Có các tấm nhựa màu trắng và màu xám dạng tam giác đều (tam giác có ba cạnh bằng nhau) cạnh 1cm. Bạn Toán đã xếp các tấm nhựa đó xen kẽ nhau để tạo thành các hình tam giác như dưới đây. Hỏi muốn xếp thành hình tam giác có cạnh là 10cm thì cần bao nhiêu tấm nhựa mỗi loại màu trắng và màu xám?



Bài 28. An, Bình, Chi sưu tầm được 30 con tem. Nếu An cho Bình 5 con tem, Bình cho Chi 3 con tem, Chi lại cho An 6 con tem thì lúc đó số tem của ba bạn bằng nhau. Hỏi lúc đầu mỗi bạn có bao nhiêu con tem?

Bài 29. Biết cân thứ nhất và cân thứ hai đã thăng bằng. Để cân thứ ba thăng bằng thì phải đặt thêm vào đĩa cân bên phải bao nhiêu con vịt nữa?



Bài 30. Có 9 chiếc thẻ được đánh số từ 1 đến 9. Bạn Núi lấy ra 6 chiếc thẻ và thấy rằng tổng các số ghi trên 6 chiếc thẻ này bằng 22. Hỏi tích của 2 số lớn nhất ghi trên các thẻ bạn Núi đã lấy bằng bao nhiêu?



Bài 31. Quan sát các phép toán sau đây:

$$2 \otimes 1 = 2$$

$$3 \otimes 2 = 3 + 6 = 9$$

$$4 \otimes 3 = 4 + 8 + 12 = 24$$

Tìm giá trị của $5 \otimes 4$.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

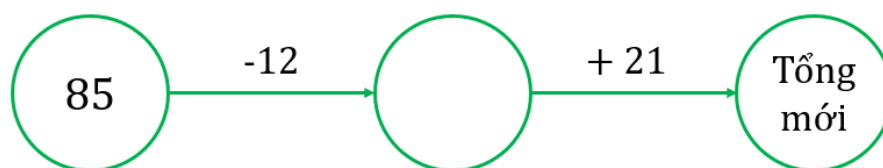
I. BÀI TẬP CƠ BẢN

Bài 1. Hai số có tổng là 85. Nếu bớt ở số hạng thứ nhất 12 đơn vị và thêm vào số hạng thứ hai 21 đơn vị thì tổng mới là bao nhiêu?

Phân tích:

- Nếu bớt ở số hạng thứ nhất 12 đơn vị thì tổng giảm đi 12 đơn vị.
- Nếu thêm vào số hạng thứ hai 21 đơn vị thì tổng tăng thêm 21 đơn vị.

Ta có lưu đồ:



Lời giải:

Tổng mới là: $85 - 12 + 21 = 94$.

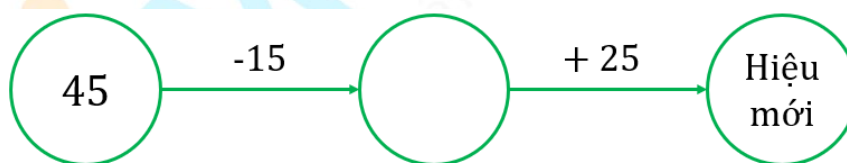
Đáp số: 94.

Bài 2. Hai số có hiệu là 45. Nếu bớt số bị trừ 15 đơn vị và bớt số trừ 25 đơn vị thì được hiệu mới bằng bao nhiêu?

Phân tích:

- Nếu bớt ở số bị trừ 15 đơn vị thì hiệu giảm đi 15 đơn vị.
- Nếu bớt ở số trừ 25 đơn vị thì hiệu tăng thêm 25 đơn vị.

Ta có lưu đồ:



Lời giải:

Hiệu mới là: $45 - 15 + 25 = 55$.

Đáp số: 55.

Bài 3. Hòa có nhiều hơn Nam 32 viên bi. Hòa cho Bình 9 viên bi. Hỏi sau khi cho, Hòa còn nhiều hơn Nam bao nhiêu viên bi?

Phân tích:

Lúc đầu, Hòa có nhiều hơn Nam 32 viên bi hay hiệu số viên bi của Hòa và Nam là 32 viên bi.

Lúc sau, Hòa cho Bình 9 viên bi nên số viên bi của Hòa giảm đi 9 viên, do đó, hiệu số bi của Hòa và Nam giảm đi 9 viên bi.

Lời giải:

Sau khi cho, Hòa còn nhiều hơn Nam số viên bi là: $32 - 9 = 23$ (viên).

Đáp số: 23 viên bi.

Bài 4. Hồng có nhiều hơn Hoa 50 bông hoa. Sau đó, Hồng được cho thêm 10 bông, Hoa cho em của mình 8 bông. Hỏi lúc sau Hồng có nhiều hơn Hoa bao nhiêu bông hoa?

Phân tích:

Lúc đầu, Hồng có nhiều hơn Hoa 50 bông hoa hay hiệu số bông hoa của Hồng và Hoa là 50 bông.

- Hồng được cho thêm 10 bông nên hiệu số bông hoa của Hồng và Hoa tăng thêm 10 bông.

- Hoa cho em của mình 8 bông nên hiệu số bông hoa của Hồng và Hoa tăng thêm 8 bông.

Lời giải:

Lúc sau, Hồng có nhiều hơn Hoa số bông hoa là:

$$50 + 10 + 8 = 68 \text{ (bông).}$$

Đáp số: 68 bông hoa.

Bài 5. Tìm 3 số hạng tiếp theo của các dãy sau:

a) 5 ; 10 ; 15 ; 20 ; ; ;

b) 1 ; 5 ; 9 ; 13 ; ; ;

c) 90 ; 84 ; 78 ; 72 ; 66 ; ; ;

d) 2 ; 3 ; 5 ; 8 ; 13 ; ; ;

Hướng dẫn

a) Ta thấy: $5 + 5 = 10$ $10 + 5 = 15$ $15 + 5 = 20$

Quy luật: Mỗi số hạng (kể từ số hạng thứ 2) bằng số hạng đứng liền trước nó cộng với 5.

Vậy 3 số hạng tiếp theo của dãy số là:

$$20 + 5 = \mathbf{25} \quad 25 + 5 = \mathbf{30} \quad 30 + 5 = \mathbf{35}$$

b) Ta thấy: $1 + 4 = 5$ $5 + 4 = 9$ $9 + 4 = 13$

Quy luật: Mỗi số hạng (kể từ số hạng thứ 2) bằng số hạng đứng liền trước nó cộng với 4.

Vậy 3 số hạng tiếp theo của dãy số là:

$$13 + 4 = \mathbf{17} \quad 17 + 4 = \mathbf{21} \quad 21 + 4 = \mathbf{25}$$

c) Ta thấy: $90 - 6 = 84$ $84 - 6 = 78$ $78 - 6 = 72$ $72 - 6 = 66$

Quy luật: Mỗi số hạng (kể từ số hạng thứ 2) bằng số hạng đứng liền trước nó trừ đi 6.

Vậy 3 số hạng tiếp theo của dãy số là:

$$66 - 6 = \mathbf{60} \quad 60 - 6 = \mathbf{54} \quad 54 - 6 = \mathbf{48}$$

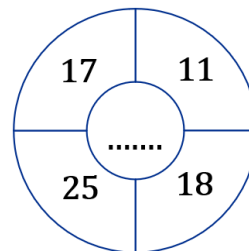
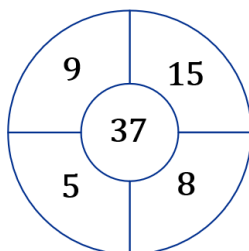
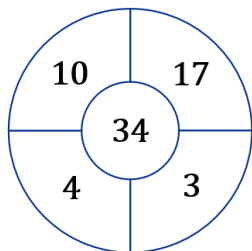
d) Ta thấy: $2 + 3 = 5$ $3 + 5 = 8$ $5 + 8 = 13$

Quy luật: Mỗi số hạng (kể từ số hạng thứ 3) bằng tổng hai số hạng đứng liền trước nó.

Vậy 3 số hạng tiếp theo của dãy số là:

$$8 + 13 = 21 \quad 13 + 21 = 34 \quad 21 + 34 = 55$$

Bài 6. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:



Hướng dẫn

Quan sát hình vẽ trên, ta thấy:

Hình thứ nhất: $10 + 17 + 3 + 4 = 34$

Hình thứ 2 có: $9 + 15 + 8 + 5 = 37$

Theo quy luật trên, hình thứ 3 có: $17 + 11 + 18 + 25 = 71$

Vậy số thích hợp cần điền vào chỗ chấm là: **71**

Bài 7. a) Nêu tên 3 hình tiếp theo (theo đúng thứ tự) của dãy hình sau:



Trả lời:.....

b) Nêu tên hình thay thế vị trí  trong dãy hình sau:



Trả lời:.....

Hướng dẫn

a) Ta thấy dãy hình đã cho lặp lại theo thứ tự: cái cây, bông hoa, chiếc lá, con ong.

Dãy hình kết thúc bằng cái cây nên 3 hình tiếp theo của dãy là:

bông hoa, chiếc lá, con ong.

b) Ta thấy dãy hình trên lặp lại theo thứ tự: hình tam giác, hình vuông, ngôi sao, ngôi sao, hình vuông.

Ngay trước vị trí cần tìm là hình ngôi sao và ngay sau vị trí cần tìm là hình vuông nên vị trí cần tìm là **hình ngôi sao**.

Bài 8. Thay các biểu thức dưới đây thành tổng của nhiều số hạng bằng nhau (theo mẫu):

Mẫu: $2 \times 4 + 2 = 2 + 2 + 2 + 2 + 2$

a) $3 \times 3 + 3$

b) $5 \times 4 + 5$

c) $6 \times 7 + 6$

d) $8 \times 2 + 8 \times 3$

Hướng dẫn

a) $3 \times 3 + 3 = 3 + 3 + 3 + 3$

b) $5 \times 4 + 5 = 5 + 5 + 5 + 5 + 5$

c) $6 \times 7 + 6 = 6 + 6 + 6 + 6 + 6 + 6 + 6 + 6$

d) $8 \times 2 + 8 \times 3 = 8 + 8 + 8 + 8 + 8$

Bài 9. Viết các số thích hợp vào ô trống:

Thừa số	2	4	3	5	5	4	3	2
Thừa số	3	9	5	7	2	8	7	6
Tích								

Hướng dẫn

Thừa số	2	4	3	5	5	4	3	2
Thừa số	3	9	5	7	2	8	7	6
Tích	6	36	15	35	10	32	21	12

Bài 10. Viết các số thích hợp vào chỗ chấm:

a) $2 \text{ giờ} \times 7 = \dots\dots\dots \text{giờ}$

b) $5 \text{ kg} \times 6 = \dots\dots\dots \text{kg}$

c) $3 \text{ cm} \times 5 = \dots\dots\dots \text{cm}$

d) $4 \text{ l} \times 7 = \dots\dots\dots \text{l}$

Hướng dẫn

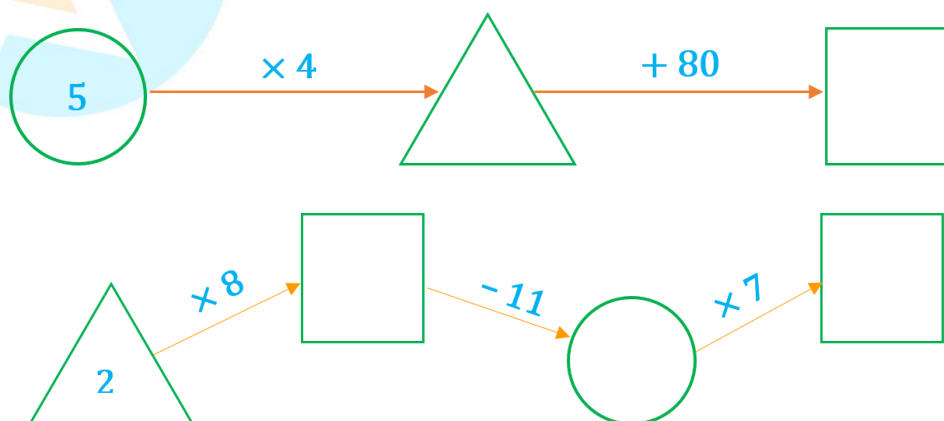
a) $2 \text{ giờ} \times 7 = 14 \text{ giờ}$

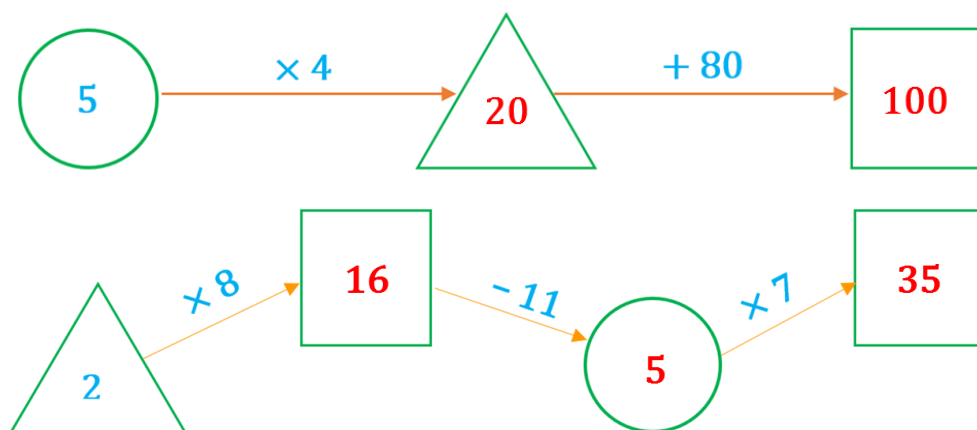
b) $5 \text{ kg} \times 6 = 30 \text{ kg}$

c) $3 \text{ cm} \times 5 = 15 \text{ cm}$

d) $4 \text{ l} \times 7 = 28 \text{ l}$

Bài 11. Điền các số thích hợp vào chỗ trống:



Hướng dẫn

Bài 12. Mỗi con gà có 2 cái chân. Hỏi 8 con gà có tất cả bao nhiêu cái chân?

Hướng dẫn

8 con gà có số cái chân là:

$$2 \times 8 = 16 \text{ (cái).}$$

Đáp số: 16 cái chân.

Bài 13. Ba bạn Mai, Trung, Hiếu gấp một số bông hoa để tặng thầy cô nhân ngày 20 tháng 11.

Biết rằng mỗi bạn gấp được 3 bông hoa. Hỏi cả ba bạn đã gấp được bao nhiêu bông hoa?

Hướng dẫn

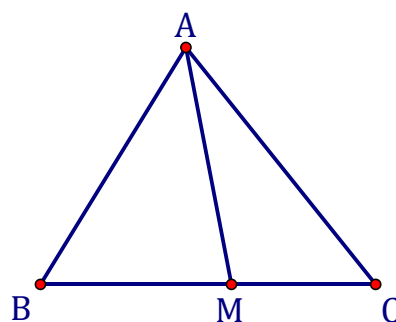
Ba bạn Mai, Trung, Hiếu đã gấp được số bông hoa là:

$$3 \times 3 = 9 \text{ (bông).}$$

Đáp số: 9 bông hoa.

Bài 14. Quan sát hình bên và kể tên:

- Các hình tam giác.
- Các đoạn thẳng.
- 3 điểm thẳng hàng.

**Hướng dẫn**

a) Các hình tam giác có trong hình đã cho là:

Tam giác ABM; Tam giác ABC; Tam giác AMC.

b) Các đoạn thẳng có trong hình đã cho là:

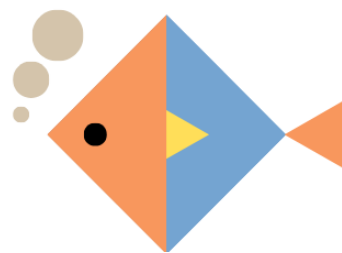
AB, AM, AC, BM, BC, MC.

c) 3 điểm thẳng hàng có trong hình đã cho là:

B, M, C.

Bài 15. Hình bên có mấy hình tròn? Mấy hình vuông?

Mấy hình tam giác?



Trả lời:

Hình trên có:

..... hình tròn

..... hình vuông

..... hình tam giác

Hướng dẫn

Hình đã cho có:

4 hình tròn

1 hình vuông

4 hình tam giác

Bài 16. Điền vào chỗ chấm ngày, tháng hoặc thứ thích hợp:

- a) Thứ Sáu tuần này là ngày 8 tháng 10 thì thứ Sáu tuần sau là ngày tháng
- b) Thứ Bảy tuần này là ngày 5 tháng 11 thì thứ Sáu tuần sau là ngày tháng
- c) Ngày 12 tháng 10 là vào thứ Tư thì 7 ngày nữa là vào thứ ngày tháng
- d) Ngày 10 tháng 11 là vào thứ Hai thì ngày 17 tháng 11 là vào thứ;
- ngày 18 tháng 11 là vào thứ

Hướng dẫn

Một tuần có 7 ngày.

- a) Thứ Sáu tuần này là ngày 8 tháng 10 thì thứ Sáu tuần sau là ngày **15** tháng **10**.
- b) Thứ Bảy tuần này là ngày 5 tháng 11 thì thứ Bảy tuần sau là ngày 12 tháng 11.
Vậy thứ Sáu tuần sau là ngày **11** tháng **11**.
- c) Ngày 12 tháng 10 là vào thứ Tư thì 7 ngày nữa là vào thứ **Tư** ngày **19** tháng **10**.
- d) Ngày 10 tháng 11 là vào thứ Hai thì ngày 17 tháng 11 là vào thứ **Hai**;
ngày 18 tháng 11 là vào thứ **Ba**.

Bài 17. Hoàng, Minh, Ngọc có tất cả 80 cái kẹo. Biết Hoàng và Minh có tất cả 45 cái kẹo.

a) Hỏi Ngọc có bao nhiêu cái kẹo?

b) Biết Hoàng có ít hơn Ngọc 6 cái kẹo. Hỏi mỗi bạn Hoàng và Minh có bao nhiêu cái kẹo?

Hướng dẫn

a) Ngọc có số cái kẹo là: $80 - 45 = 35$ (cái).

b) Hoàng có số cái kẹo là: $35 - 6 = 29$ (cái).

Minh có số cái kẹo là: $45 - 29 = 16$ (cái).

Đáp số: a) 35 cái kẹo;

b) Hoàng: 29 cái kẹo; Minh: 16 cái kẹo.

II. BÀI TẬP MỞ RỘNG

Bài 18. Tìm các số mà chiếc bánh kem, con gấu, con cún đang che mắt:



$$+ 4 = 16$$



$$- 20 = 35$$



$$40 - = 20 - 10$$

Hướng dẫn

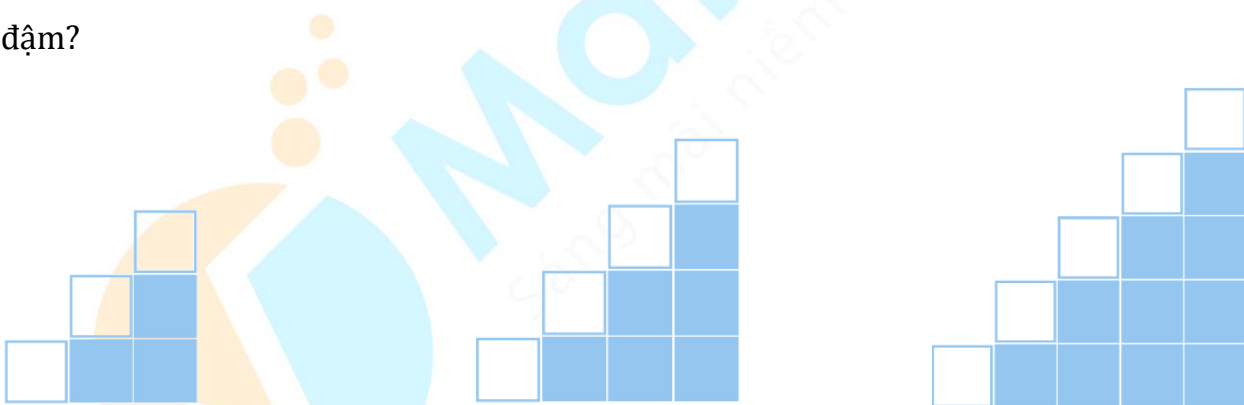
Số mà chiếc bánh kem đang che mắt là: $16 - 4 = 12$.

Số mà con gấu đang che mắt là: $35 + 20 = 55$.

Hiệu của 40 và số mà con cún che mắt là: $20 - 10 = 10$.

Số mà con cún che mắt là: $40 - 10 = 30$.

Bài 19. Quan sát hình dưới đây và cho biết hình thứ 5 có bao nhiêu hình vuông nhỏ được tô đậm?



Hướng dẫn

Quan sát dãy hình trên, ta có:

Hình thứ nhất có: $1 + 2 = 3$ (hình vuông nhỏ được tô đậm)

Hình thứ 2 có: $1 + 2 + 3 = 6$ (hình vuông nhỏ được tô đậm)

Hình thứ 3 có: $1 + 2 + 3 + 4 = 10$ (hình vuông nhỏ được tô đậm)

Tiếp tục quy luật của dãy hình trên, hình thứ 5 có số hình vuông nhỏ được tô đậm là:

$$1 + 2 + 3 + 4 + 5 + 6 = 21 \text{ (hình).}$$

Vậy hình thứ 5 có 21 hình vuông nhỏ được tô đậm.

Bài 20. Bạn Minh viết liên tiếp nhóm chữ “HOCTOT” thành dãy: HOCTOT HOCTOT ...

Hỏi chữ cái thứ 15 của dãy là chữ cái nào?

Hướng dẫn

Mỗi nhóm chữ “HOCTOT” có tổng cộng 6 chữ cái.

Ta thấy: $15 = 6 + 6 + 3$

Do đó chữ cái thứ 15 của dãy là chữ cái thứ 3 của nhóm chữ “HOCTOT”.

Vậy chữ cái thứ 15 của dãy là chữ C.

Bài 21. Tìm các số mà cá heo, cua, chim cánh cụt và sứa biển đã che mắt:

$$2 \times 4 = \text{cá heo}$$

$$5 \times 6 = \text{cua}$$

$$3 \times \text{chim cánh cụt} = 18$$

$$4 \times \text{sứa biển} = 36$$

Hướng dẫn

Số mà cá heo che mắt là: $2 \times 4 = 8$.

Số mà cua che mắt là: $5 \times 6 = 30$.

Số mà chim cánh cụt che mắt là 6 vì: $3 \times 6 = 18$.

Số mà sứa biển che mắt là 9 vì: $4 \times 9 = 36$.

Bài 22. Đàn mèo nhà Lan có mèo mẹ và 4 con mèo con. Hỏi đàn mèo nhà Lan có tất cả bao nhiêu cái chân?

Hướng dẫn

Nhà Lan có số con mèo là: $1 + 4 = 5$ (con).

Mỗi con mèo có 4 cái chân.

Đàn mèo nhà Lan có tất cả số cái chân là: $4 \times 5 = 20$ (cái).

Đáp số: 20 cái chân.

Bài 23. Ba bạn Xuân, Hạ, Thu cùng nhau mua một số viên bi. Biết rằng mỗi bạn mua 4 viên bi đỏ và 1 viên bi vàng. Hỏi cả ba bạn mua được tất cả bao nhiêu viên bi?

Hướng dẫn

Mỗi bạn mua số viên bi là: $4 + 1 = 5$ (viên).

Tổng số viên bi ba bạn đã mua là: $5 \times 3 = 15$ (viên).

Đáp số: 15 viên bi.

Bài 24.

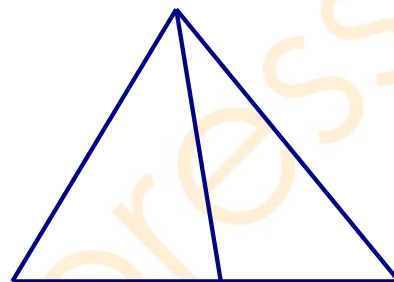
a) Tìm hai số có tích bằng 10 và có tổng bằng 7.

b) Tìm hai số có tích bằng 12 và có tổng bằng 7.

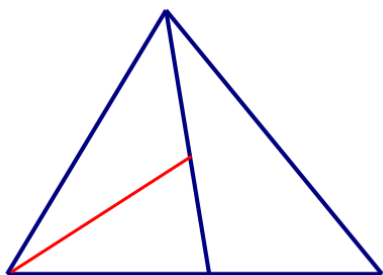
Hướng dẫna) Vì $2 \times 5 = 10$ và $2 + 5 = 7$ nên hai số 2 và 5 thoả mãn yêu cầu bài toán.b) Vì $3 \times 4 = 12$ và $3 + 4 = 7$ nên hai số 3 và 4 thoả mãn yêu cầu bài toán.**Bài 25.** Kẻ thêm vào hình bên 1 nét để được:

a) 5 hình tam giác;

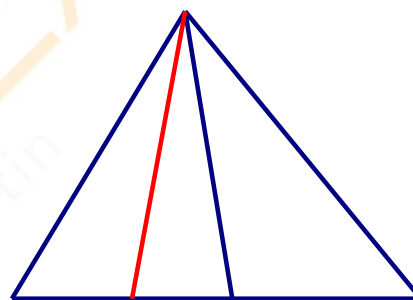
b) 6 hình tam giác.

**Hướng dẫn**

a) 5 hình tam giác



b) 6 hình tam giác

**Bài 26.** Quan sát các hình vẽ sau và trả lời câu hỏi:

a) Quả dưa hấu cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?



b) Con chó nặng hơn con gà bao nhiêu ki-lô-gam?

**Hướng dẫn**

a) Quan sát hình vẽ ta thấy:

Tổng cân nặng của quả dưa hấu và quả cân 2kg là: $3 + 5 = 8$ (kg).

Vậy cân nặng của quả dưa hấu là: $8 - 2 = 6$ (kg).

b) Quan sát hình vẽ ta thấy:

Cân nặng của con chó bằng tổng cân nặng của con gà với quả cân 5kg.

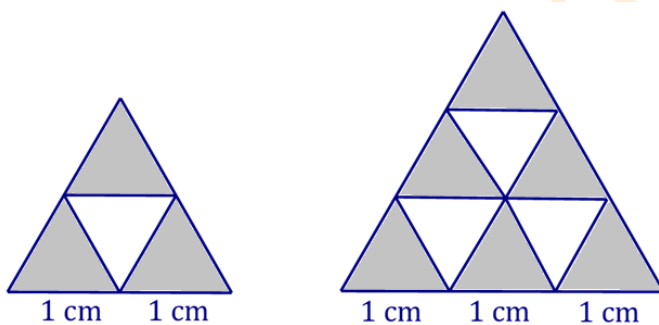
Hay con chó nặng hơn con gà 5kg.

Đáp số: a) 6kg;

b) 5kg.

III. BÀI TẬP NÂNG CAO – TƯ DUY (Dành cho lớp nâng cao và học sinh mong muốn phát triển tư duy nâng cao)

Bài 27. Có các tấm nhựa màu trắng và màu xám dạng tam giác đều (tam giác có ba cạnh bằng nhau) cạnh 1cm. Bạn Toán đã xếp các tấm nhựa đó xen kẽ nhau để tạo thành các hình tam giác như dưới đây. Hỏi muốn xếp thành hình tam giác có cạnh là 10cm thì cần bao nhiêu tấm nhựa mỗi loại màu trắng và màu xám?



Hướng dẫn

Quan sát hình vẽ, ta thấy:

+) Hình tam giác cạnh là $1 + 1 = 2$ (cm), có:

$2 + 1 = 3$ (tấm nhựa xám)

1 tấm nhựa trắng

+) Hình tam giác cạnh là $1 + 1 + 1 = 3$ (cm), có:

$3 + 2 + 1 = 6$ (tấm nhựa xám)

$2 + 1 = 3$ (tấm nhựa trắng)

+) Theo quy luật đó, hình tam giác cạnh là 10cm có:

$10 + 9 + 8 + 7 + 6 + 5 + 4 + 3 + 2 + 1 = 55$ (tấm nhựa xám)

$9 + 8 + 7 + 6 + 5 + 4 + 3 + 2 + 1 = 45$ (tấm nhựa trắng)

Đáp số: 45 tấm nhựa trắng;

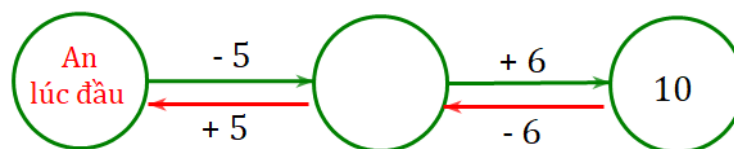
55 tấm nhựa xám.

Bài 28. An, Bình, Chi sưu tầm được 30 con tem. Nếu An cho Bình 5 con tem, Bình cho Chi 3 con tem, Chi lại cho An 6 con tem thì lúc đó số tem của ba bạn bằng nhau. Hỏi lúc đầu mỗi bạn có bao nhiêu con tem?

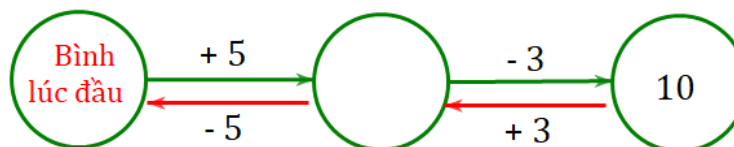
Hướng dẫn

Sau khi cho nhau qua lại thì tổng số tem của ba bạn không thay đổi và vẫn là 30 con tem.

Vì $30 = 10 + 10 + 10$ nên lúc sau mỗi bạn có 10 con tem.



Số tem của An là: $10 - 6 + 5 = 9$ (con tem).

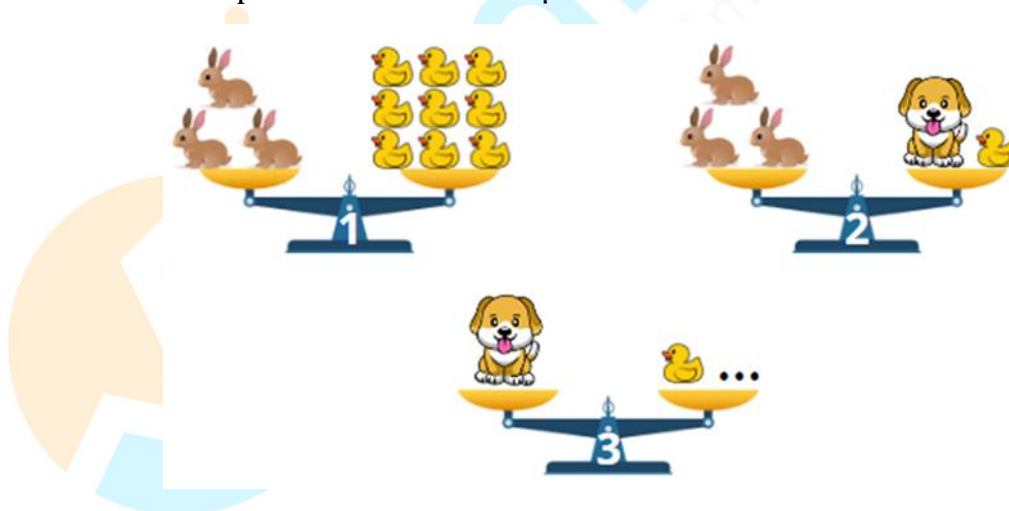


Số tem của Bình là: $10 + 3 - 5 = 8$ (con tem).

Số tem của Chi là: $30 - 9 - 8 = 13$ (con tem).

Đáp số: An: 9 con tem; Bình: 8 con tem; Chi: 13 con tem

Bài 29. Biết cân thứ nhất và cân thứ hai đã thăng bằng. Để cân thứ ba thăng bằng thì phải đặt thêm vào đĩa cân bên phải bao nhiêu con vịt nữa?



Hướng dẫn

Từ cân thứ nhất: 3 con thỏ = 9 con vịt.

Từ cân thứ hai ta thấy:

$$3 \text{ con thỏ} = 1 \text{ con chó} + 1 \text{ con vịt}$$

$$\text{Hay: } 9 \text{ con vịt} = 1 \text{ con chó} + 1 \text{ con vịt}$$

$$\text{Do đó: } 8 \text{ con vịt} = 1 \text{ con chó (cùng bớt 1 con vịt ở cả 2 vế)}$$

Vậy cần thêm vào đĩa cân bên phải của cân thứ ba số con vịt nữa là:

$$8 - 1 = 7 \text{ (con vịt).}$$

Đáp số: 7 con vịt

Bài 30. Có 9 chiếc thẻ được đánh số từ 1 đến 9. Bạn Núi lấy ra 6 chiếc thẻ và thấy rằng tổng các số ghi trên 6 chiếc thẻ này bằng 22. Hỏi tích của 2 số lớn nhất ghi trên các thẻ bạn Núi đã lấy bằng bao nhiêu?



Hướng dẫn

Ta thấy tổng của 6 số nhỏ nhất là: $1 + 2 + 3 + 4 + 5 + 6 = 21$.

Để tổng của các số ghi trên 6 tấm thẻ này bằng 22 thì chỉ có duy nhất một trường hợp xảy ra đó là: $1 + 2 + 3 + 4 + 5 + 7 = 22$.

Hay 6 tấm thẻ mà bạn Núi lấy ra được đánh số lần lượt là: 1; 2; 3; 4; 5; 7.

Hai số lớn nhất được ghi trên các tấm thẻ đó là: 5 và 7.

Tích của hai số lớn nhất được ghi trên các thẻ bạn Núi đã lấy ra là: $5 \times 7 = 35$.

Đáp số: 35

Bài 31. Quan sát các phép toán sau đây:

$$2 \otimes 1 = 2$$

$$3 \otimes 2 = 3 + 6 = 9$$

$$4 \otimes 3 = 4 + 8 + 12 = 24$$

Tìm giá trị của $5 \otimes 4$.

Hướng dẫn

Ta có:

$$2 \otimes 1 = 2 \times 1 = 2$$

$$3 \otimes 2 = 3 \times 1 + 3 \times 2 = 3 + 6 = 9$$

$$4 \otimes 3 = 4 \times 1 + 4 \times 2 + 4 \times 3 = 4 + 8 + 12 = 24$$

Do đó, $5 \otimes 4 = 5 \times 1 + 5 \times 2 + 5 \times 3 + 5 \times 4 = 5 + 10 + 15 + 20 = 50$.

Đáp số: 50